

Bản án số: 25/2024/HS-ST  
Ngày: 30/01/2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Hoàng Lan Chi**

*Các hội thẩm nhân dân:* **Ông Lưu Văn Thiệm**

**Ông Hoàng Văn Hạnh**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Nguyễn Thị Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:** **Ông Đinh Như Quỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

**ĐỖ VĂN S1** – Sinh năm: 2002; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Địa chỉ thường trú và cư trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ tên bố: Đỗ Văn G; Họ tên mẹ: Bùi Thị V; D chỉ bản số 702 lập ngày 27/11/2023 tại Công an quận C, thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 28/11/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H. *(Có mặt tại phiên tòa)*. Người bị hại: Anh Nguyễn Quang D1 – Sinh năm: 2001; Địa chỉ thường trú: M, M, Nam Định; Nơi ở hiện tại: Số I Ngõ B đường H, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ Đức N – Sinh năm 2002; Nơi thường trú: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi ở hiện tại: Phòng 1606, DN5, KTX M, M, quận N, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*.

- Chị Trần Thị Kim H – Sinh năm 2002; Nơi thường trú: Bản Lào, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La; Nơi ở hiện tại: Số H ngõ G đường C, C, quận B, thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa).*

- Anh Nguyễn Hồng S – Sinh năm 2001; Nơi thường trú: 180 Đ, Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện tại: Số C ngách C ngõ B P, quận N, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

- Chị Bàn Thị D2 – Sinh năm 1997; Địa chỉ thường trú và cư trú: Tổ A phường L, quận L, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt tại phiên tòa).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng đầu tháng 11/2022, Đỗ Văn S1 thuê phòng trọ ở cùng anh Nguyễn Quang D1 (Sinh năm 2001; HKTT: xã M, huyện M, tỉnh Nam Định) tại địa chỉ nhà số C, Ngách C, ngõ E P, M, Cầu G, Hà Nội. Ngày 29/11/2022, anh D1 gọi điện cho S1 nhờ tìm chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu HP Pavilion 15 bị mất. Do lúc này đang cần tiền chi tiêu nên S1 nảy sinh ý định bảo anh D1 đưa tiền cho S1 nhờ người để tìm máy tính. S1 nói dối với anh D1 mình có mối quan hệ với Công an có thể tìm lại máy tính trong thời hạn 10 ngày nhưng phải mất chi phí 5.000.000 đồng, anh D1 đồng ý với số tiền trên. Ngày 30/11/2022, anh D1 đã chuyển khoản cho S1 số tiền 5.000.000 đồng (chuyển 1.500.000 đồng tài khoản momo số 0333009940 mang tên Đỗ Đức N và 3.500.000 đồng vào tài khoản ngân hàng M 8130102082002 mang tên Trần Thị Kim H - Các số tài khoản trên do S1 cung cấp).

Ngày 16/12/2022, Đỗ Văn S1 nói với anh D1 công an đã khoanh vùng được chiếc máy tính bị mất nhưng người mua lại chiếc máy tính yêu cầu số tiền 8.500.000 đồng để chuộc lại, anh D1 nói không còn tiền, thì S1 nói sẽ nhờ người nhà mình sẽ chuyển giúp số tiền 5.500.000 đồng, còn lại anh D1 chuyển cho S1 3.000.000 đồng, nhưng anh D1 vẫn không có tiền để chuyển cho S1. Lúc này S1 nhớ còn nợ anh D1 5.500.000 đồng nên đã đề nghị anh D1 trừ hết số tiền nợ trên cho mình và được anh D1 đồng ý. Sau đó, S1 lấy lý do anh D1 không cung cấp được giấy tờ mua bán máy tính và căn cước công dân nên anh D1 đưa cho S1 500.000 đồng để S1 xin xác nhận mất căn cước công dân làm thủ tục nhận lại tài sản. Ngày 24/01/2023, S1 tiếp tục nói với anh D1 người mua lại chiếc máy tính yêu cầu phải chuyển ngay 2.000.000 đồng nếu không sẽ bán chiếc máy tính cho người khác. Do lo sợ chiếc máy tính nếu bị bán sẽ không tìm được lại được nên anh D1 đã chuyển khoản số tiền 2.000.000 đồng cho S1 (chuyển vào tài khoản ngân hàng M số 0963910867 mang tên Ban T - là số tài khoản do S1 cung cấp), chị D2 sau đó chuyển lại số tiền trên, S1 đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 24/4/2023, anh Nguyễn Quang D1 đến Cơ quan Công an quận C, Hà Nội tố giác đối với Đỗ Văn S1 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại cơ quan điều tra, Đỗ Văn S1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Đỗ Văn S1 phù hợp với lời khai của người bị hại là anh Nguyễn Quang D1, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Kim H, anh Đỗ Đức N, anh Nguyễn Hồng S, chị Bàn Thị D2, cùng các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Đỗ Đức N, chị Trần Thị Kim H, chị Bàn Thị D2 là những người được Đỗ Văn S1 nhờ nhận hộ tiền do anh Nguyễn Quang D1 chuyển khoản và đều đã chuyển lại cho S1. Anh N, anh Nguyễn Hồng S, chị H và chị D2 đều không biết là tiền S lừa đảo chiếm đoạt của anh D1 nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Người bị hại, anh Nguyễn Quang D1 đã được S bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, anh D1 yêu cầu S tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng còn lại cho anh D1.

*Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKSCG ngày 10/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã truy tố Đỗ Văn S1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.*

**Tại phiên tòa:**

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trong quá trình điều tra và nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận trong khoảng từ ngày 30/11/2022 đến ngày 24/01/2023, bị cáo đã lợi dụng việc anh Nguyễn Quang D1 nhờ tìm lại chiếc máy tính bị mất, bị cáo đã nói dối và đưa ra nhiều thông tin không có thật về việc có quen biết cơ quan công an để tìm lại chiếc máy tính để anh D1 tin tưởng đưa tiền nhiều lần cho bị cáo với tổng số tiền 13.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt, bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết, sau đó bị cáo đã khắc phục hậu quả 1 phần, đã bồi thường cho anh D1 được số tiền 3.000.000 đồng. Anh D1 yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng còn lại cho anh D1, bị cáo không có ý kiến gì.

Người bị hại, anh Nguyễn Quang D1 giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình điều tra, xác định do tin tưởng bị cáo nên anh D1 đã đưa tiền nhiều lần cho bị cáo với tổng số tiền là 13.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường cho anh D1 được số tiền 3.000.000 đồng, yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng còn lại cho anh D1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Trần Thị Kim H giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình điều tra, xác định có việc Đỗ Văn S1 nhờ chị H nhận hộ tiền qua tài khoản ngân hàng do người khác chuyển khoản và chị H đã chuyển lại tiền cho S1, chị H không biết nguồn gốc số tiền đó là tiền S1 lừa đảo chiếm đoạt của anh D1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy giữ quan điểm truy tố với Đỗ Văn S1 như tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng. Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án tù 12 đến 16 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Về dân sự: Bị cáo đã khắc phục hậu quả 1 phần, đã bồi thường cho người bị hại được số tiền 3.000.000 đồng, người bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng còn lại là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng còn lại cho người bị hại. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự về bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng từ ngày 30/11/2022 đến ngày 24/01/2023, bị cáo đã lợi dụng việc anh Nguyễn Quang D1 nhờ tìm lại chiếc máy tính bị mất, bị cáo đã nói dối và đưa ra nhiều thông tin không có thật về việc có quen biết cơ quan công an để tìm lại chiếc máy tính để anh D1 tin tưởng đưa tiền nhiều lần cho bị cáo với tổng số tiền 13.000.000 đồng. Bị cáo đã có hành vi, thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt, bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết, sau đó bị cáo đã khắc phục hậu quả 1 phần, đã bồi thường cho anh D1 được số tiền 3.000.000 đồng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo Đỗ Văn S1 đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu

tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo đã có hành vi, thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại tin tưởng giao tài sản nhiều lần cho bị cáo với tổng số tiền 13.000.000 đồng, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt tương đối lớn và chưa khắc phục được hết hậu quả. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Khi áp dụng hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần do vậy bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và nguồn thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Không.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, anh Nguyễn Quang D1 đã được bị cáo Đỗ Văn S1 bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, anh D1 yêu cầu S1 tiếp tục bồi thường số tiền 10.000.000 đồng còn lại cho anh D1, yêu cầu này là có căn cứ nên chấp nhận, buộc bị cáo Đỗ Văn S1 phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Quang D1.

[10] Đối với anh Đỗ Đức N, chị Trần Thị Kim H, chị Bàn Thị D2 là những người được Đỗ Văn S1 nhờ nhận hộ tiền do anh Nguyễn Quang D1 chuyển khoản và đều đã chuyển lại cho S1. Anh N, anh Nguyễn Hồng S, chị H và chị D2 đều không biết là tiền S lừa đảo chiếm đoạt của anh D1 nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự về bồi thường dân sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

*Từ những nhận định trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Đỗ Văn S1 phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.**

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự, Xử phạt: **Đỗ Văn S1 12 (Mười hai) tháng** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/11/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 Bộ luật dân sự: Bị cáo Đỗ Văn S1 phải bồi thường số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng cho anh Nguyễn Quang D1.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người bị hại, nếu bị cáo không thanh toán trả số tiền trên cho người bị hại thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đối với anh Đỗ Đức N, chị Trần Thị Kim H, chị Bàn Thị D2 là những người được Đỗ Văn S1 nhờ nhận hộ tiền do anh Nguyễn Quang D1 chuyển khoản và đều đã chuyển lại cho S1. Anh N, anh Nguyễn Hồng S, chị H và chị D2 đều không biết là tiền S lừa đảo chiếm đoạt của anh D1 nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 phần I Mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết: Bị cáo Đỗ Văn S1 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần Bản án, quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần Bản án, quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Người bị hại; Người liên quan;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Công an quận Cầu Giấy;
- Chi cục Thi hành án DS quận Cầu Giấy;
- TAND.TP Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 – Công an TPHN;
- UBND xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án + Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Lan Chi**